



CÔNG TY CỔ PHẦN THANH BÌNH PHÚ MỸ

Địa chỉ: Khu công nghiệp Chuyên sâu Phú Mỹ 3, Phường Tân Phước, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐT: 0254.3936.838 Fax: 02543.936.839

Email: environment@phumy3sip.com

Website: www.phumy3sip.com

**KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC
CỦA TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHUYÊN SÂU PHÚ MỸ 3
THÁNG 10 NĂM 2025**

Stt	Ngày	Giá trị trung bình pH	Giá trị trung bình Nhiệt độ (°C)	Giá trị trung bình TSS (mg/l)	Giá trị trung bình COD (mg/l)	Giá trị trung bình Amoni (mg/l)	Giá trị trung bình Lưu lượng đầu vào (m ³ /ngày)	Giá trị trung bình Lưu lượng đầu ra (m ³ /ngày)
1	01/10/2025	7,15	34,17	10,84	27,23	0,58	4.320	10.288
2	02/10/2025	7,08	34,33	6,16	26,94	0,54	4.459	10.986
3	03/10/2025	7,17	34,50	5,07	27,56	0,51	4.897	11.403
4	04/10/2025	7,17	35,08	10,17	27,47	0,50	4.415	12.429
5	05/10/2025	7,09	35,56	10,71	28,53	0,50	3.536	11.376
6	06/10/2025	7,17	35,86	8,62	31,04	0,50	4.242	12.413
7	07/10/2025	7,28	35,70	15,76	33,54	0,50	5.116	12.910
8	08/10/2025	7,27	35,53	6,84	32,66	0,50	4.770	12.142
9	09/10/2025	7,23	35,23	12,45	32,98	0,50	4.888	13.442
10	10/10/2025	7,19	35,40	16,57	34,44	0,50	4.888	11.537
11	11/10/2025	7,16	35,02	12,75	37,29	0,50	4.904	12.390
12	12/10/2025	7,22	34,79	7,11	38,87	0,50	4.095	10.530
13	13/10/2025	7,32	34,96	7,40	39,89	0,50	4.623	9.628
14	14/10/2025	7,33	35,21	6,59	23,67	0,50	4.709	10.524
15	15/10/2025	7,37	35,33	7,64	24,47	0,50	4.607	9.863
16	16/10/2025	7,16	34,59	3,33	25,67	0,50	4.636	10.206
17	17/10/2025	7,14	34,37	5,51	26,66	0,50	4.704	10.427
18	18/10/2025	7,12	34,06	11,77	26,81	0,50	4.380	7.801
19	19/10/2025	7,16	34,75	5,09	21,48	0,50	3.769	6.146
20	20/10/2025	7,18	34,86	8,48	26,87	0,51	4.360	6.309
21	21/10/2025	7,18	34,38	3,01	32,89	0,50	3.719	10.795
22	22/10/2025	7,20	33,98	3,24	36,09	0,51	3.485	10.282
23	23/10/2025	7,04	34,04	16,27	36,37	0,54	5.443	10.518
24	24/10/2025	7,06	33,74	6,26	36,32	0,50	5.666	11.246
25	25/10/2025	7,03	33,55	7,61	34,97	0,50	1.365	9.537
26	26/10/2025	6,98	33,47	10,93	34,06	0,50	3.643	10.168
27	27/10/2025	7,12	33,47	5,89	30,45	0,70	4.050	10.001
28	28/10/2025	7,50	33,95	9,77	31,81	0,72	4.509	11.272
29	29/10/2025	7,30	32,99	9,51	31,00	0,63	4.516	9.646
30	30/10/2025	7,70	33,37	6,17	32,64	0,60	4.500	8.066
31	31/10/2025	7,71	33,77	2,78	30,81	0,60	4.418	11.578
Giá trị trung bình ngày		7,22	34,52 (°C)	8,40 (mg/l)	31,02 (mg/l)	0,53 (mg/l)	4.375 (m ³ /ngày)	10.512 (m ³ /ngày)
QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, K _a = K _r = 0,9. (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp)		6 - 9	40 (°C)	40,5 (mg/l)	60,75 (mg/l)	4,05 (mg/l)	-	-

W